

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 3

Đã nói về phần tổng thức thấu tóm và phát sinh viên mãn. Tiếp theo nói về phần trình bày phân nhỏ để phân biệt về tổng tướng.

Bổn Luận nói: Nói về nghĩa của giác, là thể của tâm lìa tướng phân biệt. Lìa tướng phân biệt sánh bằng hư không giới, một tướng pháp giới không đâu là không hiện hữu khắp, chính là Pháp thân bình đẳng của Như Lai. Dựa vào Pháp thân này nên gọi là Bổn giác. Tại sao? Vì nghĩa của Bổn giác là đối với Thỉ giác mà nói. Vì Thỉ giác tức đồng với Bổn giác. Nghĩa của Thỉ giác ấy dựa vào Bổn giác mà xuất hiện Bất giác, dựa vào Bất giác nên nói là có Thỉ giác. Lại, vì giác ngộ bổn tâm nên gọi là Cứu cánh giác, không giác ngộ về bổn tâm do đó không phải là Cứu cánh giác.

Luận giải thích: Ở trong văn này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần lược nói về an lập Bổn giác. Hai là phần lược nói về an lập Thỉ giác. Trong phần Bổn giác đã có hai vấn đề. Thế nào là hai? Một là về phương diện Bổn giác thanh tịnh. Hai là về phương diện Bổn giác nhiễm tịnh. Trong phần Thỉ giác lại có hai vấn đề. Thế nào là hai? Một là về phương diện Thỉ giác thanh tịnh. Hai là về phương diện Thỉ giác nhiễm tịnh. Thế nào gọi là Bổn giác thanh tịnh? Vì vốn có Pháp thân từ vô thỉ đến nay có đầy đủ các công đức viên mãn vượt quá hằng sa số và luôn trong sáng.

Thế nào gọi là Bổn giác nhiễm tịnh? Vì tự tánh thanh tịnh của tâm bị vô minh lôi kéo che chắn, lưu chuyển trong sanh tử không lúc nào đoạn dứt.

Thế nào gọi là Thỉ giác thanh tịnh? Đó là tánh trí vô lậu tách rời tất cả vô lượng vô minh, không bị tất cả vô minh lôi kéo che chắn.

Thế nào gọi là Thỉ giác nhiễm tịnh? Đó là Thỉ giác Bất nhã bị vô minh lôi kéo che chắn không thể nào xa rời được. Các giác như vậy

đều là quyền thuộc của trí, sẽ chứng được lý nào để trở nên thành phần của thể? Đó là lý tánh Chân như và lý hư không. Hai lý như vậy thì mỗi lý có bao nhiêu loại? Mỗi lý có hai loại? Thế nào gọi là hai loại Chân như? Một là Chân như thanh tịnh. Hai là Chân như nhiễm tịnh. Lý của hư không cũng lại như vậy. Thế nào gọi là Chân như thanh tịnh? Đó là hai loại giác thanh tịnh đã chứng Chân như, vì xa rời mọi sự huân tập. Thế nào gọi là Chân như nhiễm tịnh? Đó là Chân như của hai loại Giác nhiễm, tịnh đã chứng, vì không xa rời sự huân tập. Lý của hư không cũng lại như vậy. Do nghĩa nào mà tạm gọi là Bốn, Giác? Quan hệ của chữ sai biệt và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Bốn, Giác đều có mười
Thế tuy đồng sự chữ
Tất cả đều sai biệt
Nghĩa các loại căn - kính.*

Luận nói: Bốn, Giác mỗi loại có mười. Thế nào là mười Bốn? Đó là:

1. Bốn quan hệ với chữ Căn, vốn có Pháp thân có thể khéo an trú và giữ gìn tất cả mọi công đức. Ví như cây có gốc rễ nên có thể khéo giữ chắc tất cả cành lá và hoa quả khiến không thể hỏng mất.
2. Bốn quan hệ với chữ Bốn, vốn có Pháp thân từ vô thủy đến nay, tánh tự nhiên có chứ không phải bắt đầu phát khởi.
3. Bốn quan hệ với chữ Viễn, vốn có Pháp thân và lúc có công đức thì trùng trùng vô tận không phân chia được giới hạn.
4. Bốn quan hệ với chữ Tự, vốn có Pháp thân và mình tự thành tựu, không phải là ai khác thành tựu cho mình.
5. Bốn quan hệ với chữ Thể, vốn có Pháp thân vì các cành nhánh công đức làm nơi nương tựa.
6. Bốn quan hệ với chữ Tánh, vốn có Pháp thân với nghĩa không xoay chuyển, vì luôn kiến lập.
7. Bốn quan hệ với chữ Trú, vốn có Pháp thân an trú ở nơi vô trú không có đi đến.
8. Bốn quan hệ với chữ Thường, vốn có Pháp thân quyết định phù hợp với thực tế không lưu chuyển.
9. Bốn quan hệ với chữ Kiên, vốn có Pháp thân xa rời tướng lay động (gió), kiên cố bất động giống như kim cang.
10. Bốn quan hệ với chữ Tổng, vốn có Pháp thân rộng lớn đầy đủ trọn vẹn, không đâu là không hiện bày khắp và trở thành Thể nối thông với nhau. Đây gọi là mười Bốn.

Thế nào là mười Giác? Đó là:

1. Giác quan hệ với chữ Kính, (tấm gương) là tuệ Nhất thiết trí thanh tịnh trong suốt, không hề vướng bụi.
2. Giác quan hệ với chữ Khai, là tuệ Nhất thiết trí thông đạt biểu hiện rõ không có chướng ngại.
3. Giác quan hệ với chữ Nhất, là tuệ Nhất thiết trí độc tôn độc nhất không gì sánh được.
4. Giác quan hệ với chữ Ly, là tuệ Nhất thiết trí có tự tánh giải thoát, tách rời tất cả các loại ràng buộc.
5. Giác quan hệ với chữ Mãn, là tuệ Nhất thiết trí có đầy đủ vô lượng các loại công đức, không có thiếu sót.
6. Giác quan hệ với chữ Chiếu, là tuệ Nhất thiết trí phát ra ánh sáng vĩ đại, soi chiếu khắp tất cả vô lượng cảnh giới.
7. Giác quan hệ với chữ Sát, (quán sát) là tuệ Nhất thiết trí luôn trong sáng rõ ràng không hề mê loạn.
8. Giác quan hệ với chữ Hiển, là trong thể thanh tịnh của tuệ Nhất thiết trí hiện rõ tất cả các hàng quyến thuộc thanh tịnh.
9. Giác quan hệ với chữ Tri, là tuệ Nhất thiết trí đối với tất cả các pháp không pháp nào không cùng tận.
10. Giác quan hệ với chữ Giác, là công đức vốn có của tuệ Nhất thiết trí chỉ có tuệ giác soi chiếu, không có bất cứ một pháp nào không phải là Giác. Như vậy mười loại nghĩa của chữ Bốn, Giác, chỉ dựa vào một loại Pháp thân của Đại Tánh, tùy theo nghĩa nên có giải thích khác nhau, căn cứ vào tự thể thì không sai khác. Trong hai loại Bốn, Giác đã nói trong này, xác đáng là Bốn giác nào? Đó là Bốn giác thanh tịnh chứ không phải là Bốn giác nhiễm tịnh.

Nghĩa của chữ Bốn giác nhiễm tịnh sai biệt và tướng đó thế nào?
Tụng nói:

*Trong Bốn giác nhiễm tịnh
Hoặc đều có mười nghĩa
Trong mười sự nói trước
Đều có xa rời tánh.*

Luận nói: Trong Bốn giác này hoặc là tất cả có mười nghĩa. Vì sao? Vì trong mười nghĩa ở trước tất cả đều có nghĩa “không giữ lấy tự tánh”, còn quan hệ của chữ kết hợp thì theo như trước nên biết. Hai Giác như vậy là giống nhau hay khác nhau? Chẳng phải giống nhau mà giống nhau, chẳng phải khác nhau mà khác nhau, vì nghĩa này nên hoặc là giống nhau, hoặc là khác nhau, hoặc chẳng phải là giống nhau, hoặc

chẳng phải là khác nhau, do đó đều là nó, đều không phải là nó. Do nghĩa nào mà tạm gọi là Thỉ giác, quan hệ của chữ sai biệt và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Từ vô thỉ đến nay
Không lúc nào mê loạn
Hôm nay lần đầu giác
Nên gọi là Thỉ giác.*

Luận nói: Thỉ giác Bát nhã từ vô thỉ đến nay, không có lúc nào mê loạn, lúc không mê ấy, bây giờ mới lần đầu giác, nên gọi là Thỉ giác. Như vậy, Thỉ giác nếu trước mê sau mới giác thì chẳng phải là Thỉ giác, nhưng lúc không mê ấy mà lý luôn trước mắt, luôn là ban đầu, nên gọi là Thỉ giác. Như Thỉ giác này trong hai loại Thỉ giác, thích hợp là Giác nào? Đó là Thỉ giác thanh tịnh chứ không phải là Thỉ giác nhiễm tịnh. Quan hệ của chữ Thỉ giác nhiễm tịnh sai biệt ra sao, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Trí Thỉ giác thanh tịnh
Vì không giữ tự tánh
Mà bị nhiễm huân tập
Nên gọi Giác nhiễm tịnh.*

Luận nói: Thỉ giác thanh tịnh tuy không có lúc nào mê lầm, nhưng vì không giữ lấy tự tánh nên có thể bị pháp nhiễm huân tập, thuận theo duyên mà lưu chuyển. Do nghĩa này nên gọi là Thỉ giác nhiễm tịnh. Vì nghĩa nào mà tạm gọi là Chân như, quan hệ của chữ ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Lý thể tánh Chân như
Bình đẳng và bình đẳng
Không có một, nhiều tướng
Nên gọi là Chân như.*

Luận nói: Lý của tánh Chân như là bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, chỉ đồng một tướng, cũng không có một tướng, cũng không có nhiều tướng. Vì không có một tướng nên xa rời duyên giống nhau, vì không có nhiều tướng nên tách rời duyên khác nhau. Do nghĩa này nên gọi là Chân như. Như vậy hai loại trí thanh tịnh của Chân Như tự trong tâm đã chứng đạt. Vả lại, Chân - Như đều có mười nghĩa.

Thế nào là mười Chân? Đó là: 1. Chân quan hệ với chữ Căn, cho đến thứ mười là Chân quan hệ với chữ Tổng. Như vậy mười Chân với mười loại nghĩa của Bốn, tương ứng đều có và không tách rời nhau, vì vậy tên gọi giống nhau để biểu thị.

Thế nào là mười Như? Đó là: 1. Như quan hệ với chữ Kính, cho đến thứ mười là Như quan hệ với chữ Giác. Như vậy mười Như với mười loại nghĩa về Giác, tương ứng đều có và không tách rời nhau, vì vậy tên gọi giống nhau để biểu thị. Vì sao? Vì mười loại lý của Chân, vốn có Pháp thân và có phương tiện của công đức. Mười loại lý của Như, thì tuệ Nhất thiết trí có phương tiện của giác ngộ. Do nghĩa này nên lặp lại ngôn từ bày tỏ như vậy. Ở đây nói đối với hai loại Chân Như thích hợp là Chân Như nào? Đó là Chân Như thanh tịnh chứ không phải là Chân Như nhiễm tịnh. Quan hệ của chữ Chân - Như nhiễm tịnh sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Lý Chân Như thanh tịnh
 Vì không giữ tự tánh
 Mà bị nhiễm huân tập
 Gọi Chân Như nhiễm tịnh.*

Luận nói: Chân như thanh tịnh từ vô thủy đến nay, tự tánh thanh tịnh bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, bất sanh bất diệt, cũng không có đi - đến, cũng không có nơi chốn. Nhưng lý tánh của Chân Như không giữ lấy tự tánh nên tùy theo duyên mà biến động lưu chuyển, vì vậy gọi là Chân Như nhiễm tịnh. Như thế hai trí tịnh và nhiễm của Chân Như tự trong tâm đã chứng đạt, tương ứng đều có và không tách rời nhau. Các nghĩa như vậy, hãy xem ở trước đã nói so sánh chỗ tương tự cần biết. Do nghĩa nào mà tạm gọi là hư không, quan hệ với chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Hư không có mười nghĩa
 Thế tuy đồng với nghĩa
 Vì tất cả sai biệt
 Là các nghĩa vô ngại.*

Luận nói: Lý về tánh hư không có mười loại nghĩa. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Nghĩa không chướng ngại, vì trong các sắc pháp không có chướng ngại.
2. Nghĩa châu biến, vì không đâu là không đến.
3. Nghĩa bình đẳng, vì không lựa chọn gì.
4. Nghĩa quảng đại, vì không phân chia giới hạn.
5. Nghĩa vô tướng, vì đoạn tuyệt sắc tướng.
6. Nghĩa thanh tịnh, vì không vướng trần cấu ô nhiễm.
7. Nghĩa bất động, vì không có thời kỳ thành và hoại.
8. Nghĩa hữu không, vì diệt trừ hạn lượng của có.

9. Nghĩa không không, vì xa rời chấp trước không.

10. Nghĩa vô đắc, vì không thể nắm giữ được.

Đây gọi là mười nghĩa. Như vậy mười sự việc có ý nghĩa và tác dụng sai biệt, nếu như dựa vào thể thì không có phân biệt.

Hai loại trí thanh tịnh về lý hư không này tự trong tâm đã chứng đạt, tương ứng đều có và không tách rời nhau. Trong hai lý hư không thì hư không nào là thích hợp? Đó là hư không thanh tịnh chứ không phải là hư không nhiễm tịnh. Quan hệ của chữ hư không nhiễm tịnh sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Lý hư không thanh tịnh
Vì không giữ tự tánh
Bị pháp nhiễm huân tập
Gọi hư không nhiễm tịnh.*

Luận nói: Hư không thanh tịnh vốn có đủ mười đức, cũng không có tướng nhiễm ô - cũng không có tướng thanh tịnh, nhưng tánh hư không chẳng giữ lấy tự tánh, vì thế có thể bị pháp nhiễm huân tập, tùy theo duyên mà biến động lưu chuyển, nên gọi là hư không nhiễm tịnh. Chủ thể huân tập, đối tượng huân tập, kiến lập và phỉ báng cùng các loại phương diện khác, đến phần giải thích mở rộng về lý đó sẽ hiển bày đầy đủ.

Đã nói về phần quan hệ của chữ, tiếp theo nói về phần thuận theo giải thích.

Nói về nghĩa của Giác, chính là câu tổng hợp, từ đây về sau đều là câu phân tích. Tổng là bày tỏ chung về tất cả về Giác. Biệt là tất cả mỗi loại đều nói khác nhau. Ngay trong câu phân tích trước tiên nói về Bốn giác thanh tịnh, Thỉ giác thanh tịnh, tiếp đến nói về Bốn giác nhiễm tịnh, Thỉ giác nhiễm tịnh. Như thứ tự đó nói về tướng có thể thấy, nghĩa là tâm thể tách rời tướng niệm, chính là Bốn giác thanh tịnh. Tâm chính là tâm thanh tịnh của tự tánh, thể chính là thể của Pháp thân vốn có. Như vậy tâm thể chính là tên gọi của Bốn giác. Ly tướng niệm chính là biểu hiện rõ về nghĩa của thanh tịnh. Điều ấy nghĩa là rời xa ý niệm vô minh to lớn nên nói là ly niệm, rời xa bốn loại tướng của vô thường nên nói là ly tướng, vượt qua hàng hà sa quyến thuộc của phiền não. Đây là năm pháp hữu vi và lấy đó làm căn bản, vì vậy nêu lên vốn không có, bày tỏ quyến thuộc đều là không. Xa lìa tướng niệm, tức là người xướng lên Bốn giác thanh tịnh, từ ngữ diễn tả chính là con người. Sánh bằng hư không giới không đâu không đầy khắp, người giác ngộ như vậy khéo chứng lý hư không vốn có đủ nghĩa của mười loại công đức. Một

tướng pháp giới là như người giác ngộ này đối với Chân như pháp giới đã chứng đạt, cùng nhau hòa hợp, cùng một vị, cùng một tướng chẳng có sai biệt, đó chính là Pháp thân bình đẳng của Như Lai. Khéo chứng đạt lý của hai loại thắng diệu về Giác thanh tịnh, chính là tự tánh, tự thể của Pháp thân Như Lai. Dựa vào Pháp thân này, gọi là Bản giác, tức vốn có Pháp thân trong đức của tự tánh, làm thành nơi quay về nương tựa, kiến lập gọi là Bản giác thanh tịnh.

Đã nói về Bản giác thanh tịnh, tiếp theo nói về Thủ giác thanh tịnh.

Tại sao như vậy? Chính là ngôn từ xin thưa hỏi, nghĩa là muốn kiến lập Thủ giác thanh tịnh phải thưa thỉnh như thế. Hỏi về tướng trạng thế nào, nghĩa là có chúng sanh chất vấn như vậy: Pháp thân vốn có từ xưa đến nay, có đầy đủ vô lượng tánh công đức, luôn trong sáng, luôn tự tại. Dựa vào nghĩa này nên gọi là Bản giác. Như vậy Bản giác ở trong thời gian nào, do nhân duyên gì và có đầy đủ tất cả công đức vô lượng gọi là Bản giác chăng? Nếu nói như vậy, thì Bản giác này có trí lực vĩ đại, có thể khéo đoạn trừ tất cả mọi sai lầm. Có đầy đủ các công đức tốt đẹp ấy, chính là Bản giác này trước mê hoặc sau mới giác ngộ, không phải là Bản giác sáng rõ. Tức là công đức đoạn này trở về trước là ẩn kín, trở về sau đoạn là lộ rõ thì không phải là tự tánh sáng rõ. Há mê hoặc - giác ngộ - ẩn kín hay lộ rõ, là nghĩa vốn có mà được thành lập sao? Nếu nói như vậy thì thường đoạn lại không đoạn được, thường đầy đủ lại không đầy đủ được, vì vậy thuận theo phát sinh Bản Đoạn - Bản Đức, nghĩa này cũng không thành lập. Không có nghĩa lỗi lầm công đức, là tất cả mọi chướng ngại từ xưa đã đoạn xong lại không cần phải đoạn, tất cả mọi công đức từ xưa vốn có đủ càng không cần phải đầy đủ, thì Giác ấy chính là Thủ giác chứ không phải là Bản giác. Vì vậy trong Bát Nhã Ba-la-mật giải thích như vậy: “Nếu Giác là Thủ giác, nếu Bất giác tức là Vô minh, nếu tách rời hai loại này thì gọi là Bản giác”. Do nghĩa gì mà có thể giải thích như vậy. Trong đức nơi tự tánh của Pháp thân vốn có, làm thành nơi quay về nương tựa và gọi là Bản giác, vì thế nói là tại sao. Nghĩa về Bản giác là đối với Thủ giác mà có, là trực tiếp giải quyết sự nghi ngờ. Nghĩa là Đại sư Mã Minh tự thông suốt mà nói: Bản giác thanh tịnh, từ xưa đến nay không sanh không diệt, không phải kiến lập mà có - không phải phỉ báng mà không có, hoặc chẳng phải sai lầm - hoặc chẳng phải công đức, đạo ngôn ngữ tuyệt - xứ tâm hành diệt, mà lại có ngôn ngữ diễn tả. Vô lượng tánh đức đầy đủ tốt đẹp vượt quá hằng sa số gọi là Bản giác, nên biết từ vô thủy đến nay, lại có Thủ giác

thanh tịnh, là do phát khởi trí lực lớn - phát khởi định lực lớn, đối với tất cả mọi lúc - đối với tất cả mọi nơi, luôn đối trị, vượt qua hằng sa số đại dương sai lầm vô lượng vô biên, đầy đủ trọn vẹn vô lượng vô biên công đức thanh tịnh vượt quá hằng sa số. Đối với Thỉ giác thanh tịnh này, nên lập thành tên gọi của Bốn giác thanh tịnh, vì Thỉ giác chính là giống như Bốn giác. Nêu lên những lý do ấy, nói là vì Thỉ giác tự nhiên và Bốn giác kia như nhau, có thể đối với Thỉ giác chỉ ra Bốn giác. Như vậy, có hai Giác huân tập sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Bốn, Thỉ giác thanh tịnh
 Từ vô thỉ đến giờ
 Xa lìa tất cả nhiễm
 Trong sáng như hư không.
 Thế nên trong môn này
 Pháp nhiễm không huân tập
 Pháp tịnh luôn huân tập
 Chỉ có tự phẩm đức.*

Luận nói: Hai Giác như vậy không có sai biệt giữa chủ thể huân tập với đối tượng được huân tập, chỉ có công đức chân thật của chính nó. Trong môn này không cần phải kiến lập chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập. Nếu là như vậy, ở trong môn này có nghĩa gì là huân tập mà cho có huân tập? Pháp nhiễm và pháp tịnh không đối đãi nhau mà thành, đó là ngay nơi này đầy đủ chuyển thành huân tập. Huân tập ấy là thế nào? Đó là hoàn toàn rõ ràng. Trong Kinh Tam Thân Bốn Hữu giải thích như vậy: “Bốn giác vốn có - Thỉ giác vốn có, chỉ có công đức huân tập không có lỗi lầm, công đức huân tập chỉ có chuyển đầy đủ, không có từng phần chuyển đổi theo sự”.

Đã nói về Thỉ giác thanh tịnh, tiếp đến nói về hai Giác lìa tánh.

Nghĩa về Thỉ giác là dựa vào Bốn giác mà có Bất giác, dựa vào Bất giác nên nói là có Thỉ giác, ấy là nêu ra rõ hai loại Bốn - Thỉ lìa tánh. Nói dựa vào Bốn giác mà có Bất giác, chính là Bốn giác xa rời tánh. Dựa vào Bất giác nên nói là có Thỉ giác, chính là Thỉ giác xa rời tánh. Nghĩa này là thế nào? Vì Bốn giác Bất nhĩ không giữ lấy tự tánh, dễ dàng bị pháp nhiễm huân tập, các pháp nhiễm kia khiến có thể dừng lại, chính là nghĩa của Bốn giác xa rời tánh. Thỉ giác Bất nhĩ không giữ lấy tự tánh, dựa vào các pháp nhiễm đến nay mới dấy lên thì bị pháp nhiễm lừa gạt, chính là nghĩa của Thỉ giác xa rời tánh. Thỉ giác Bất nhĩ có năng lực đoạn trừ các chướng ngại để chứng đạt các công đức, vì sao nói là trí của Thỉ giác bị pháp nhiễm lừa gạt? Vì đối với pháp không có

sai lầm thì thiết lập các loại sai lầm để đoạn trừ chướng ngại, đối với pháp không có công đức thì thiết lập các công đức để chứng đạt được lý. Nếu vậy thì Thỉ giác ở trong thời gian nào mới được xa rời niệm vọng? Lúc đạo giải thoát đạt tới tột cùng, mới được xa rời hoàn toàn, vì trong lúc ấy đạt đến nơi không còn niệm. Hai sự việc mãn chuyển và phần chuyển về sau sẽ nói rõ.

Đã nói về phần lược nêu an lập hai Giác, tiếp theo nói về phần mở rộng để quyết trạch hai Giác.

Bốn Luận nói: Nghĩa này là thế nào? Như người phạm phu, vì biết niệm trước khởi dấy là niệm ác, nên có thể ngăn niệm sau khiến niệm ác ấy không nổi lên, tuy lại gọi là Giác mà chính là Bất giác. Như các hàng Nhị thừa quán trí - Bồ-tát mới phát tâm..., giác ngộ đối với niệm khác nhau mà niệm không hề khác tướng. Do xả bỏ tướng chấp trước phân biệt thuộc phần thô, nên gọi là Tương tự giác. Như hàng Bồ-tát pháp thân, giác ngộ đối với niệm, an trú vào niệm không trú vào tướng, vì lìa phân biệt tướng niệm thuộc phần thô, nên gọi là Tùy phần giác. Như Bồ-tát ở địa cuối cùng, đầy đủ mọi phương tiện một niệm tương ưng, biết tâm mới phát khởi mà tâm không có tướng ban đầu, vì tách rời ý niệm vi tế, thấy được tánh của tâm thì tâm lập tức thường trú, đó gọi là Cứu cánh giác. Vì vậy kinh nói: “Nếu chúng sanh nào có thể quán sát vô niệm, tức là hướng về Phật Địa”. Vả lại, tâm khởi lên không có tướng ban đầu có thể biết. Nhưng nói là biết tướng ban đầu, tức nói vô niệm. Vì vậy tất cả chúng sanh không thể gọi là Giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm nối tiếp nhau chưa từng tách rời, do đó nói vô minh vô thỉ. Nếu người nào đạt được vô niệm, thì biết rõ tướng tâm là sanh trú dị diệt. Do không có những niệm vọng, nên thật sự không có gì khác với Thỉ giác. Vì bốn tướng cùng lúc mà có, hoàn toàn không tồn tại một mình, xưa nay bình đẳng một tánh giác như nhau.

Luận giải thích: Đây chính là phần nói rộng để quyết trạch Thỉ giác. Trong văn này có hai môn. Thế nào là hai môn? Đó là:

1. Môn kiến lập bốn tướng.
2. Môn kiến lập tùy giác.

Trong môn bốn tướng tức có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là bốn tướng lỗi lầm thuộc phần thô trọng. Hai là bốn tướng lỗi lầm thuộc vi tế. Ba là bốn tướng công đức vô thường. Bốn là bốn tướng công đức thường trú.

Bốn tướng thuộc phần thô chính là trải qua thời gian dài. Bốn tướng thuộc phần tế tức là chỉ trong thời gian ngắn. Tướng vô thường là

lỗi lầm trái với công đức mới bắt đầu. Tướng thường trú là lỗi lầm trái với công đức thường trú phát sinh.

Trong môn Tùy giác cũng có hai môn. Thế nào là hai môn? Một là môn Mãn giác. Hai là môn Phần giác. Môn Mãn giác là làm sáng tỏ chỉ một tánh giác. Môn Phần giác là biểu hiện rõ đủ về giác và bất giác.

Thế nào gọi là bốn tướng trải qua thời gian dài? Đó là bắt đầu từ địa Thập Tín cho đến lúc đạo giải thoát đạt tới tột cùng, mới hoàn toàn tách rời.

Thế nào gọi là bốn tướng chỉ trong thời gian ngắn? Vì nhân duyên phát sinh pháp không vượt qua một sát na. Thế nào gọi là bốn tướng mới bắt đầu khởi? Đó là bắt đầu diệt thì diệt đã diệt - bắt đầu dị thì dị đã dị, bắt đầu trú thì đức đã trú - bắt đầu sanh thì đức đã sanh. Vì vậy giải thích nói là bốn tướng mới bắt đầu, trái với sai lầm nên gọi là công đức, nay mới bắt đầu nên gọi là vô thường. Thế nào gọi là bốn tướng thường trú? Đó là nay mới bắt đầu nhưng đức xưa nay vốn có.

Thế nào gọi là một loại giác? Vì giác và bất giác không có hai. Thế nào gọi là giác bất giác? Vì giác hoặc là bị pháp nhiễm huân tập, hoặc là không bị huân tập. Như thứ tự ấy nói về tướng có thể quán sát. Bốn tướng trong này có hai thứ tự. Thế nào gọi là hai thứ tự? Một là theo thứ tự trước sau. Hai là theo thứ tự cùng có. Theo thứ tự trước sau, là trong lúc các tướng kia không có thì chúng có trước sau sai biệt. Theo thứ tự cùng có, là trong lúc có các tướng kia thì chúng trước sau đồng một loạt có. Lúc các tướng kia không có là dựa vào thời gian không liên tục. Thời lúc các tướng kia có là dựa vào thời gian không ổn định. Theo thứ tự cùng có thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng sanh trú dị diệt
Bốn thứ tướng như vậy
Một lúc tức trước sau
Không dần chuyển đổi được.
Một lúc nên cùng có
Trước sau theo thứ tự
Cùng lúc thành một tướng
Riêng nên thành bốn tướng.*

Luận nói: Bốn tướng theo thứ tự cùng có:

1. Tướng sanh.
2. Tướng trú.
3. Tướng dị.
4. Tướng diệt.

Bốn tướng như vậy hoặc là trong một lúc, hoặc là thứ tự trước sau. Do nghĩa nào gọi là trong một lúc? Vì cùng thích hợp với nhau. Do nghĩa nào nói là trước sau? Vì thô và tế khác nhau. Không phải dần dần chuyển đổi được, là phân biệt để biểu hiện rõ về nghĩa của trong một lúc. Do nghĩa nào nói là cùng có? Vì ngay một lúc. Do nghĩa nào mà nói là theo thứ tự? Vì có trước sau. Bốn tướng như vậy cùng lúc có nên chỉ là một tướng, phân biệt thô, tế nên thành ra bốn tướng. Cùng một lúc nói đến trong này là ở thời gian nào? Ở vào lúc vô minh căn bản huân tập chân tâm. Ở trong thời gian này bốn tướng phát khởi đầy đủ, không nhận thức được tánh chân thật của tất cả các pháp bao trùm khắp nơi, kiến lập vô lượng phiền não vượt quá hằng sa số, có thể che kín tự tánh thanh tịnh nên tâm không biết bao giờ trở về trạng thái trong sáng ban đầu. Vì vậy nói bốn tướng cùng có trong một lúc. Vì sao gọi là sanh cho đến gọi là diệt, nghĩa của chữ sai biệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Trụ địa đại vô minh
Thời gian huân Bốn giác
Sinh ba loại tướng tế
Nên gọi là tướng sanh.*

Luận nói: Lúc vô minh căn bản xông Bốn giác phát sinh ba loại tướng, nên gọi là tướng sanh. Thế nào là ba tướng? Một là tướng độc lực nghiệp. Hai là tướng độc lực tùy. Ba là tướng câu hợp động. Tướng độc lực nghiệp là không chọn lấy thể của vô minh mà chọn lấy nghiệp của vô minh. Tướng độc lực tùy không chọn lấy thể của Bốn giác mà chọn lấy dụng của Bốn giác. Tướng câu hợp động chọn lấy tướng biến động hòa hợp. Tổng quát đưa ra ba loại này nên gọi là tướng sanh, vì tên gọi của tướng sanh thành lập vào lúc mới sinh. Nghĩa của chữ tướng trú ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng trú có bốn loại
Tướng chuyển và tướng hiện
Tướng trí cùng yương tục
Đây là bốn loại tướng.*

Luận nói: Tướng trú có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là tướng chuyển. Hai là tướng hiện. Ba là tướng trí. Bốn là tướng tương tục. Đây gọi là bốn loại tướng. Bốn tướng như vậy, vì nghĩa nào mà nói là trú? Nghĩa về trú nói đến trong này là tùy theo những tướng ứng nên sai biệt, nghĩa là nếu dựa vào tướng chuyển nói về tướng trú, có thể giữ chắc tâm thức huân tập, nên gọi là tướng trú. Nếu dựa vào tướng hiện

nói về tướng trí, có thể giữ chắc sắc tướng huân tập, nên gọi là tướng trí. Nếu dựa vào tướng trí nói về tướng trí, có thể giữ chắc sáu loại dần dần phân biệt trí tương ứng pháp nhiệm, nên gọi là tướng trí. Nếu dựa vào tướng tương tục nói về tướng trí, có thể giữ chắc thức phân biệt sự liên tục nhiệm ô, nên gọi là tướng trí. Đây chính là phần tế chứ không phải là phần thô. Nghĩa của chữ tướng dị ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng dị có hai thứ
Chấp thủ, chấp danh tự
Như vậy hai thứ tướng
Chính là hạng người chấp.*

Luận nói: Tướng dị có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tướng chấp thủ. Hai là tướng chấp danh tự. Hai tướng như vậy chính là người thuộc hạng chấp. Hai tướng như thế vì nghĩa nào gọi là tướng dị? Nếu dựa vào chấp thủ để nói về tướng dị, thì có thể duyên với tất cả vô lượng tướng biệt, tùy theo các tướng đó, thức phân biệt thuộc phần thô, luôn chấp trước, khác với tự nó trở thành riêng nên gọi là tướng dị. Nếu dựa vào danh tự để nói về tướng dị, thì tùy theo tướng, thành lập tên gọi, dựa vào tên gọi đó đẩy lên mọi tham trước, nên gọi là tướng dị.

Nghĩa của chữ tướng diệt ra sao và tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng diệt có hai loại
Khởi nghiệp và quả báo
Tổn hại tâm dị trước
Khiến chịu khổ là diệt.*

Luận nói: Tướng diệt có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tướng khởi nghiệp. Hai là tướng nghiệp hệ khổ. Hai tướng như vậy hủy hoại vị thế dị biệt trước kia khiến nhận chịu quả khổ của sanh tử, nên gọi là tướng diệt. Vả lại, lúc nhận chịu quả khổ của sanh tử, có năng lực diệt mất tất cả vô lượng thiện phẩm, nên gọi là tướng diệt. Hơn nữa, lúc nghiệp phát khởi thì thiện căn dần của Phật tánh dần mất đi, nên gọi là tướng diệt.

Đã nói về cùng lúc có, tiếp theo nói về trước sau. Tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Tướng diệt, dị, trí, sanh
Bốn loại tướng như thế
Theo trí lực hơn - kém
Có tăng - giảm không đồng.*

Luận nói: Theo thứ tự trước sau thì: Một là tướng diệt. Hai là tướng

dị. Ba là tướng trú. Bốn là tướng sanh. Bốn tướng như vậy tùy theo mức độ của trí tuệ mà có sự tăng giảm không như nhau. Nghĩa này là thế nào? Vì người ở vị Tín thiếu một mà vốn có ba, người ở vị ba Hiền thiếu hai mà có hai. Ở trong Thập Địa thì Địa thứ chín thiếu ba mà có một, trong Địa thứ mười thiếu một phần thô mà có một phần tế, trong địa Như Lai thì bốn tướng đều không có, nên thanh tịnh rất ráo. Vì vậy giải thích nói tăng giảm không như nhau.

Đã nói về phần kiến lập, tiếp đến nói về phần thuận theo giải thích.

Dựa vào bốn tướng kia làm rõ về Giác có sai biệt, tức là có năm vị. Thế nào là năm vị? Đó là:

1. Vị Thập Tín.
2. Vị Ba Hiền.
3. Vị Cửu Địa.
4. Vị Nhân Mãn.
5. Vị Quả Mãn.

Trong bốn vị trước, mỗi vị có bốn sự việc. Thế nào là bốn sự? Một là người hướng đến tu hành. Hai là tướng của nhân tu hành. Ba là tướng của nhân quả thực hành. Bốn là tướng đồng thời huân tập và tách rời. Trong vị thứ năm chỉ có ba sự. Thế nào là ba sự? Một là người có năng lực viên mãn. Hai là tướng thực hành đối trị. Ba là tướng viên mãn cứu cánh.

Nếu như theo thứ tự giải thích tương ứng với quán thì vị thứ nhất nói như người hàng phạm phu, tức là người hướng đến tu hành, vị ở Thập Tín chưa đạt được bất thối gọi là phạm phu, đã ra khỏi định tà gọi là bậc Giác. Nhận thức được niệm trước dấy lên là ác, tức biểu hiện rõ về tướng của nhân tu hành, nghĩa là chưa hội nhập Thập Tín trở về trước, không nhận thức được hai loại tướng diệt là nguồn gốc của sai lầm, tạo ra đủ tất cả nghiệp ác thuộc các loại, khắp nơi nhận chịu tất cả quả khổ vô lượng, mãi luân hồi trong năm đường, bốn loài, không lúc nào dừng lại. Ngày nay nhờ diệu duyên gặp được tri thức, biết đến Thánh pháp và phép tắc trong sáng, có năng lực được đi vào vị Thập Tín, giác ngộ các nghiệp ác là rất sai lầm, biết rõ các khổ quả thật là sự không vui vẻ. Nói nhận thức được niệm trước dấy lên là ác, chính là biểu hiện rõ về nghĩa giác ngộ đối với tướng diệt. Do đó có thể ngăn niệm sau khiến nó không khởi lên, tức biểu hiện rõ về tướng của nhân quả thực hành. Nghĩa là trong vị này mới bắt đầu khởi đạo đối trị sức lực rất yếu kém nên gọi là cố gắng, phát tâm tiếp tục dấy khởi đạo đối

trị chuyển dần sang tự tại. Vả lại, lúc trước không nhận thức được nên luôn tạo nghiệp ác, nay nhận thức rồi nên tâm sinh hổ thẹn không gây ra các nghiệp, tướng diệt xấu xa dừng lại không khởi. Tuy cũng gọi là Giác mà chính là Bất giác, tức biểu hiện rõ tướng đồng thời huân tập và tách rời. Điều ấy có nghĩa là nhận thức được pháp của tướng diệt thật sự là sai lầm. Chủng loại của tướng diệt ấy không tạo sự diệt, nên nói là huân tập và tách rời khỏi chủng loại của tướng diệt ấy. Từ vô thủy đến nay không nhận thức được thể tánh thanh tịnh, thật sự là công đức, nên nói là cùng huân tập. Câu chữ trong này lưu chuyển xa thuận theo đến ở Địa thứ mười. Hơn nữa, biểu hiện rõ Giác và Bất giác lại chính là như nhau, tất cả là một vị.

Vị thứ hai nói hàng Nhị thừa quán trí và Bồ-tát mới phát tâm, tức là người hướng đến tu hành, vị thuộc về ba Hiền. Ở trong vị này quán nhân không vô lậu, thành tựu tự tại không có nghi ngờ sợ hãi, vì thế lấy Nhị thừa cùng với Bồ-tát trình bày tổng quát. Vả lại, biểu hiện rõ tất cả Nhị thừa thấy đều tu hành đạo Bồ-tát, do đó chứng nhập tự tại trong biển cả của địa Đại giác. Giác ngộ đối với niệm dị, chính là biểu hiện rõ về tướng của nhân tu hành. Nghĩa là hai loại tướng khác nhau lại cố gắng cùng nhau, luôn giữ lấy tướng của cảnh giới, phát khởi yêu thích để tìm kiếm tên gọi. Vì phân biệt ngôn từ tướng trạng, nên không thỏa mãn về ngã và ngã sở, chuyển sang mạnh hơn dựa vào duyên suy xét càng tăng thêm suốt ngày không ngừng nghỉ. Ngày nay phát khởi nhân không Bát nhã, kiến lập phương tiện pháp không hiện rõ trước mắt, nhận thức được tâm tịnh của Bốn giác vì giấc ngủ vô minh, mộng thấy ở tại trạng thái khác lạ, dấy lên tất cả chướng ngại, phân biệt tách rời và dần dần cùng với trí rời xa, à tương ưng cùng nhau, từ giấc mộng của niệm kia nên được giác ngộ. Vì vậy giải thích nói là giác ngộ đối với niệm dị. Niệm không có tướng dị, tức là biểu hiện rõ về tướng của nhân quả thực hành, là trong Thủ giác chánh niệm hai loại tướng dị không hề có. Vì xả bỏ tướng phân biệt chấp trước thuộc phần thô, đó chính là biểu hiện rõ không có duyên theo tướng dị. Nghĩa là ý thức có hai phân biệt, lại có thể phân biệt được tất cả các pháp. Thế nào là hai? Một là phân biệt phần thô. Hai là phân biệt phần tế. Thô là khởi lên các tâm tham sân..., vì có thể khéo phân biệt hoàn cảnh trái hay thuận. Tế là pháp chấp phân biệt, vì luôn lưu động tiến vào. Nay đã tách rời được phân biệt phần thô, chứ không phải là phân biệt thuộc phần tế. Phân biệt thuộc phần tế là rất vui mừng được xa rời, nên gọi là Tương tự giác, đó chính là kết thúc phần trước, và gồm cả việc biểu hiện rõ về

tướng đồng thời huân tập tách rời. Nghĩa về tướng tự trong này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tướng tự dị loại. Hai là tướng tự đồng loại. Tướng tự dị loại là tướng tự của Nhị thừa. Tướng tự đồng loại là tướng tự của Bồ-tát. Nhị thừa nhân không đối chiếu ba Hiền không, làm thành nghĩa tướng tự. Bồ-tát ba Hiền theo phương tiện pháp không đối chiếu vị tâm trong sáng làm thành nghĩa tướng tự. Vì vậy, nói tổng quát là Tướng tự giác.

Vị thứ ba nói là như hàng Bồ-tát pháp thân, hướng đến tu hành tức vị thuộc về chín địa. Bồ-tát chín địa lấy pháp giới Chân như làm thành thân mình, dùng thật trí Bát nhã làm thành tâm mình, hệ lụy cấu trước đã vượt ra - chướng ngại ràng buộc đều đoạn dứt, thanh tịnh sáng ngời, tự tại vô ngại, vì thế gọi là Bồ-tát pháp thân. Giác ngộ đối với niệm trú tức là biểu hiện rõ về tướng của nhân tu hành. Nghĩa là bốn loại tướng trú đối với tất cả mọi lúc, có năng lực phát khởi pháp chấp phân biệt, tách rời tánh của Bốn giác, có thể làm cho ngu quên đi, tâm của Bốn giác ấy mộng thấy ở tại tướng trú, không làm sao tỉnh, sáng được, phải trú lại một cách cuồng loạn. Nay vầng dương của Thỉ giác Bát nhã mọc lên, soi sáng màn đen mê loạn của tướng trú, chánh trí của Thỉ giác không có tánh phân biệt, tướng trú mê loạn lại có tánh phân biệt, vì có - không - giác - loạn hết sức trái ngược nhau, nên không thể cùng thực hành được. Đạo lý như vậy rõ ràng ở trước mắt, do đó giải thích nói là giác ngộ đối với niệm trú. Niệm không có tướng trú, tức là biểu hiện rõ về tướng của nhân quả thực hành. Vì tách rời phân biệt về tướng niệm thuộc phần thô, chính là biểu hiện rõ không duyên theo tướng trú. Nghĩa là bốn loại tướng trú so sánh với tướng sanh kia hiện rõ hết sức thô, do đó e rằng thời gian sanh và trú lẫn lộn làm hỗn loạn cho nhau, thực hiện giải thích như vậy: Ngưng tư duy, thuận theo quán. Như vậy bốn loại tướng trú mê loạn, nếu như theo thứ tự, ở trong địa Cực hỷ - địa Quá tam hữu - địa Tịch tĩnh - địa Thiện tuệ, mỗi địa xa rời một tướng, nên gọi là Tùy phần giác, đó chính là kết thúc phần trước, đồng thời bao gồm việc biểu hiện rõ về tướng cùng lúc huân tập, tách rời, vì tướng sanh đối với niệm vi tế chưa thoát ra được.

Vị thứ tư nói như Bồ-tát ở địa cuối cùng, hướng đến tu hành. Trong câu chữ này tự nhiên xuất hiện hai người. Thế nào là hai? Một là người nhân viên mãn. Hai là người có quả viên mãn. Nhân viên mãn là bậc cuối cùng của địa Học. Quả viên mãn là quả vị Vô học đã hoàn toàn đầy đủ. Người trước đối trị với tướng câu hợp động, người sau đối trị với tướng độc lực nghiệp và vô minh căn bản, còn độc lực tùy tướng không

phải là pháp đoạn trừ được, nên không có pháp đối trị. Từ đây về sau biểu hiện rõ về hai loại viên mãn. Đây đủ phương tiện nhất niệm tương ứng, chính là biểu hiện rõ về người có nhân viên mãn, nghĩa là trong vị này đã có hai loại định kim cương dụ. Thế nào là hai loại? Một là kim cương phương tiện. Hai là kim cương chánh thể. Hành vô cấu là hai loại Tam-ma-đề kim cương dụ dùng làm tự thể, vì vậy đưa ra đạo để nêu rõ người. Tâm giác mới khởi lên mà tâm không có tướng ban đầu, tức là biểu hiện rõ về người có quả viên mãn. Đại viên cảnh trí rõ ràng hiện ở phía trước, không nơi nào là không thông suốt, không đâu là không cùng tận, pháp giới chung một thể không gì sánh bằng. Tướng động lực nghiệp và vô minh căn bản không thể tự xuất hiện, bình đẳng như hư không và cùng một tướng là vô tướng, nên không có niệm ban đầu. Vì rời xa ý niệm vi tế nên thấy được tánh của tâm thì tâm lập tức thường trú gọi là Cứu cánh giác. Đó chính là biểu hiện rõ về tướng viên mãn của Thỉ giác Bát nhã. Nhưng đạt đến vô sanh giác, nên kinh nói: “Nếu chúng sanh nào có thể quán sát vô niệm, tức là hướng về Phật Địa”, đó chính là dẫn lời trong kinh giúp cho những lời mình đã giải thích. Như vậy văn kinh chứng minh cho nghĩa nào? Chứng minh cho quả Phật. Thế nào là chứng? Nghĩa là trong quả Phật chứng minh thành tựu lìa xa hai loại ý niệm. Thế nào là hai loại? Một là ý niệm về vô minh căn bản. Hai là ý niệm về tướng nghiệp vi tế. Như vậy hai ý niệm đạt tới cực điểm nơi đạo giải thoát trong một lúc trái ngược lẫn nhau, không thể cùng hiện hành. Vì thế giải thích quả Phật vô niệm. Nếu như không có niệm vọng thì sẽ có niệm gì? Đó gọi là chánh niệm. Thế nào gọi là chánh niệm? Vì tương ứng với mười đức. Thế nào là mười đức? Đó là:

1. Công đức xuất ly, là tách xa tất cả các xứ nạn.
2. Công đức đồng thể, là tất cả mọi pháp nhiệm quy về nơi mình.
3. Công đức thường trú, là tách xa sai lầm mới nảy sanh.
4. Công đức nhất vị, là Thỉ giác viên mãn - Bản giác không đổi.
5. Công đức câu ly, là xa lìa tất cả các pháp nhiệm tịnh.
6. Công đức hoàn chuyển, là sanh ra ở khắp các nẻo.
7. Công đức vô trú, là đối với tất cả mọi nơi không thuộc về nơi nào.
8. Công đức tu hành, là vì các chúng sanh mà tu vạn hạnh.
9. Công đức viên mãn, là vì các chúng sanh mà thành tựu đạo quả Chánh Giác.
10. Công đức hư không, là các loại công đức đã nói như trước, vì từ xưa đến nay tự tánh đều rỗng lặng chẳng có gì. Đây gọi là mười đức.

Như vậy mười đức cùng với giải thoát tột cùng trong sát na đầu tiên, cùng lúc hiện hành - cùng lúc phát khởi không có trước sau, trong một lúc cùng chuyển gọi là chánh niệm. Kinh văn đã dẫn chứng không ra ngoài nghĩa này, nên quán sát kỹ!

Vả lại, tâm khởi lên không có tướng ban đầu có thể biết, lại nói biết tướng ban đầu, chính có nghĩa là vô niệm, là loại bỏ nghi ngờ khiến phát sanh hiểu biết thù thắng. Nghĩa là có chúng sanh dấy lên nghi ngờ như vậy: Lúc đạo giải thoát đạt tới tột cùng hội nhập Bốn giác thì mới phát sanh rất là vi tế, biết được là có hay biết được là không có? Nếu biết được là có thì đạo giải thoát tột cùng sẽ không phải là vô niệm, Vì sao? Vì biết có niệm ban đầu. Nếu biết là không có thì đạo giải thoát tột cùng sẽ không thể có được, Vì sao? Vì đã không có ý niệm ban đầu thì đợi ý niệm nào không có mà thiết lập đạo giải thoát là có? Do nghi ngờ như vậy, nay tự thông suốt nói: Tướng của đối tượng nhận thức từ xưa đến nay không hề có tự tánh, trí của chủ thể nhận thức từ xưa đến nay không lúc nào khởi lên. Đã không có tướng của đối tượng giác ngộ thì cũng không có trí của chủ thể giác ngộ, há có thể nói là có tướng ban đầu vi tế mà trí tuệ nhận biết được sao? Nhưng có ngôn ngữ diễn tả nhận biết tướng ban đầu, chính là biểu hiện rõ về đạo lý vô niệm. Vì sao? Vì lý của pháp tánh, tuy không có tướng mới bắt đầu của đối tượng nhận thức, cũng không có trí Thủ giác của chủ thể nhận thức, có thể thông suốt không có tướng đối tượng nhận thức, và không có trí chủ thể nhận thức, không hề có gì để giác ngộ và tất cả không phải là trống không không có gì. Vì vậy nay tạm thời dựa vào đạo lý này, giải thích như vậy: Biết tướng ban đầu. Do đó tất cả chúng sanh không gọi là Giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm tiếp theo nhau chưa hề tách rời ý niệm nên nói là vô minh vô trí. Đó chính là thành lập nghĩa về vô niệm nói ở trên. Nghĩa là từ địa kim cang trở về sau tất cả chúng sanh, ý niệm chưa tách rời được vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp, chính là biểu hiện rõ tất cả chúng sanh đều có niệm vọng nên gọi là chúng sanh, hết thảy chư Phật đã đạt đến vô niệm nên xưng là Phật.

Từ đây về sau biểu hiện rõ về cảnh giới viên mãn rộng khắp của Thủ giác. Nghĩa là bậc Đại Giác đã đến bờ bên kia, biết hết tất cả vô lượng chúng sanh, chỉ vì một tâm lưu chuyển mà tạo ra bốn tướng. Như Bốn Luận nói: “Nếu người nào đạt đến nơi không còn niệm vọng thì biết rõ tướng tâm là sanh trú dị diệt”. Vì nghĩa nào mà biết như vậy? Lúc tự mình đạt đến nơi không còn niệm vọng, thì tất cả các chúng sanh đều được bình đẳng, như Bốn Luận nói: “Vì không còn niệm vọng...”.

Vì nghĩa nào mà lúc chỉ một hành giả đạt đến nơi không còn niệm vọng, tất cả các chúng sanh đều có thể không còn niệm vọng? Vì mỗi một chúng sanh đều có Bản giác của mình. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là một hành giả vào lúc Thỉ giác viên mãn giống như Bản giác, thì khắp mọi nơi giống như tất cả vô lượng chúng sanh trong tâm của Bản giác, chứ không phải là Bản giác riêng mình. Vì sao? Vì tự tánh của Bản giác đầy khắp các cõi chúng sanh, không nơi nào là không đến được. Bạc Giác Ngộ thanh tịnh vào lúc đạt đến nơi không còn niệm vọng, tất cả chúng sanh đều có thể không còn niệm vọng, vậy thì Bạc Giác Ngộ thanh tịnh vào lúc đoạn sạch vô minh, tất cả chúng sanh cũng có thể đoạn sạch sao? Nếu vậy có sai lầm không? Nếu lúc Thỉ giác đoạn trừ vô minh, thì tất cả chúng sanh đều được đoạn trừ vô minh, tại sao ở trước nói là từ địa kim cương trở về sau tất cả chúng sanh, vì niệm vọng của vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp, chưa tách rời được nên không gọi là Giác? Nếu các chúng sanh vì vô minh vô thỉ chưa tách rời ra được, mà cùng với chư Phật như nhau đạt đến nơi không còn niệm vọng, thì các nghĩa lý về vô niệm chỉ có ngôn từ diễn tả chứ không có nghĩa lý chính xác, há có thể nói là tất cả chúng sanh đều có Bản giác cũng có Thỉ giác sao? Quyết định để loại trừ chất vấn này sẽ có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là tự nơi tông chỉ quyết định loại trừ. Hai là hướng về nơi khác quyết định loại trừ. Tự nơi tông chỉ quyết định loại trừ, là chánh tông của luận này, vì muốn biểu hiện rõ tất cả chúng sanh cùng chung một tướng liên tục theo nhau không hề sai biệt, do đó có thể nói một người tu hành đến lúc đoạn trừ hoàn toàn vô minh vô thỉ, thì tất cả chúng sanh cũng đoạn trừ hết như nhau. Một người tu hành đến lúc đầy đủ Thỉ giác, thì tất cả chúng sanh cũng được đầy đủ như nhau. Vì vậy trong kinh Tam Thân Bốn Hữu giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Ta nhờ vào hai đẳng mà thành tựu Chánh giác. Thế nào là hai đẳng? Một là đoạn đẳng. Hai là đắc đẳng. Nói đoạn đẳng, là lúc đạo giải thoát cao nhất của Ta mới phát khởi, tất cả chúng sanh vốn có vô lượng vô minh vô thỉ, ngay một lúc lập tức quyết định đoạn trừ hoàn toàn. Nói đắc đẳng, là lúc ta mới thành đạo đầy đủ Thỉ giác, tất cả chúng sanh đều được đầy đủ. Đây gọi là hai đẳng”. Hướng về nơi khác quyết định loại trừ, là nêu lên sự viên mãn hướng về các cõi chúng sanh, không có một pháp nào mà không phải là thanh tịnh. Đưa ra các chúng sanh hướng về Đấng Vô Thượng Tôn, đi vào tạng vô minh không có nhận thức, thấy đều thanh tịnh không có chướng ngại. Các nghĩa về vô niệm mới được thành lập như vậy. Đi

vào tạng vô minh mà không có nhận thức, vẫn đã nói trên không có trái ngược nhau, đưa ra một khía cạnh này thuận theo quán sát rộng.

Từ đây về sau hòa hợp các Thủ giác khiến đồng với Bốn giác, nghĩa là năm mươi mốt phần vị đầy đủ Thủ giác, thật sự không có khác nhau của sự dần dần chuyển sang thù thắng, cũng không có sự tột cùng viên mãn cứu cánh. Vì sao? Vì tất cả Thủ giác cùng lúc phát sanh bốn tướng, nhưng được dừng lại đều không tồn tại độc lập, từ xưa đến nay tự tánh viên mãn chỉ một vị là bình đẳng, hợp lại như nhau không có khác ngoài một tướng Giác. Như Bốn Luận nói: “Nhưng thật sự không có khác nhau gì về Thủ giác, vì bốn tướng cùng lúc mà có đều không tồn tại độc lập, xưa nay bình đẳng cùng một tánh Giác như nhau”.

Trong kinh Đại Tổng Trì giải thích như vậy: “Bát nhã của Thủ giác thuộc loại giác ngộ tướng diệt, trong phần vị có tướng diệt nếu giống nhau thì cùng lúc có, trong lúc không có tướng diệt thì Thủ giác tùy theo cũng không có. Thủ giác Bát nhã thuộc loại giác ngộ tướng dị, trong phần vị có tướng dị nếu giống nhau thì cùng lúc có, trong lúc không có tướng dị thì Thủ giác tùy theo cũng không có. Thủ giác Bát nhã thuộc loại giác ngộ tướng trú, trong phần vị có tướng trú nếu giống nhau thì cùng lúc có, trong lúc không có tướng trú thì Thủ giác tùy theo cũng không có. Thủ giác Bát nhã thuộc loại giác ngộ tướng sanh, trong phần vị có tướng sanh, nếu giống nhau thì cùng lúc có, trong lúc không có tướng sanh thì Thủ giác tùy theo cũng không có. Vì sao? Vì tất cả Thủ giác không thể tự khởi lên, phải chờ đợi pháp nhiệm mới có thể khởi lên được, tất cả pháp nhiệm không thể tự diệt, phải cần đến trí lực mới có thể diệt được. Nói rộng cho đến từ xưa tới nay, tất cả pháp nhiệm trống rỗng, không có tự thể, mà Thủ giác ấy vốn không có mà ở trong đó làm thành giải thoát có, cùng lúc mà chuyển đổi vì vậy không gọi là chánh”.

Đã nói về phần nói rộng để quyết trạch Thủ giác, tiếp theo nói về phần nói rộng để quyết trạch Bốn giác.

Bốn Luận nói: “Hơn nữa, Bốn giác tùy theo pháp nhiệm phân biệt phát sinh hai loại tướng, cùng với Bốn giác không tách rời nhau. Thế nào là hai tướng? Một là tướng trí tịnh. Hai là tướng bất tư nghị nghiệp. Tướng trí tịnh nghĩa là dựa vào năng lực của pháp huân tập mà tu hành như thực đầy đủ mọi phương tiện, phá bỏ sự hòa hợp của tướng thức, diệt trừ sự tương tục của tướng tâm, biểu hiện rõ trí tuệ thuần tịnh của Pháp thân. Nghĩa này thế nào? Vì tướng của tất cả tâm thức đều là vô minh, tướng của vô minh không xa rời tánh Giác, không có thể hủy hoại cũng không phải không có thể hủy hoại, như nước giữa biển khơi vì

gió mà nổi sóng, tướng của nước và tướng của gió không tách rời nhau, nhưng nước không phải là tánh động, nếu gió ngừng lại thì tướng động lập tức mất hẳn mà tánh ướt không bị tổn hại. Như vậy tâm thanh tịnh trong tự tánh của chúng sanh, bị gió vô minh làm cho biến động, tâm và vô minh hoàn toàn không có hình tướng và không tách rời nhau, nhưng tâm không phải là tánh động, nếu vô minh diệt thì sự tương tục sẽ diệt mà tánh của trí không bị hủy hoại. Tướng bất tư nghị nghiệp là dựa vào trí tịnh, có thể tạo ra tất cả mọi cảnh giới thù thắng vi diệu. Điều đó là tướng của vô lượng công đức luôn không đoạn tuyệt, tùy theo căn cơ của chúng sanh tự nhiên tương ứng, rất nhiều chủng loại ngay lúc ấy được lợi ích”.

Luận giải thích: Đây chính là phần nói mở rộng tùy theo pháp nhiệm để quyết trạch Bốn giác. Ở trong văn này đã có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là tánh trí thanh tịnh vốn có. Hai là nghiệp dụng tự tại vô ngại. Trong phần thứ nhất cũng có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là không giữ lấy tự tánh tùy theo duyên. Hai là Đối trị tất cả mọi nghiệp chướng. Trong phần thứ hai lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là tùy thuận căn cơ thích đáng. Hai là Bản tánh thường vắng lặng không xao động. Bốn phần như vậy thuận theo giải thích cần phải phù hợp. Bốn giác tùy nhiệm chính là câu giản lược, giản lược vì khác với thanh tịnh Bốn giác trí. Câu này là muốn biểu hiện rõ về nghĩa nào? Đó là để biểu hiện rõ về nghĩa nhận chịu huân tập, thắng thán nói rõ Bốn giác nhận chịu vô minh huân tập mà không giữ lấy tự tánh, tùy duyên vô ngại cùng lúc mà chuyển đổi, vì vậy gọi là Bốn giác tùy nhiệm, ngay cả câu chữ này cũng từ những pháp nhiệm đã tùy thuận lập nên tên gọi.

Từ đây về sau trực tiếp biểu hiện có thể tùy theo thể tướng của Bốn giác, phân biệt phát sinh hai loại tướng cùng với Bốn giác không tách rời nhau. Thế nào là hai tướng? Một là tướng trí tịnh. Hai là tướng bất tư nghị nghiệp. Như vậy hai loại tướng thù thắng này, cùng với tánh trí của Bốn giác tùy thuận pháp nhiệm, cùng lưu thông cùng chuyển đổi không tách rời nhau. Hành tướng trí tịnh của Bốn giác như vậy, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Phá trừ tất cả chướng
Hiển bày thân pháp tánh
Trí tuệ thật thanh tịnh
Gọi là tướng trí tịnh.*

Luận nói: Đoạn trừ tất cả điều ác, tu dưỡng tất cả điều thiện, công

đức đầy đủ, trí tuệ viên mãn, trang nghiêm Pháp thân gọi là tướng trí tịnh. Đoạn trừ tất cả chướng ngại nên cần đến năng lực nào? Cần phải có năng lực đầy đủ. Năng lực đầy đủ thì số lượng đó có bao nhiêu? Có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là pháp lực huân tập đầy đủ lực phương tiện. Hai là tu hành như thực đầy đủ lực phương tiện. Hai loại lực phương tiện như vậy, từ vô thủy đến nay thường trú tự nhiên chứ không phải là mới bắt đầu. Trong hai loại ấy, dựa vào pháp lực huân tập đầy đủ lực phương tiện, để phá trừ vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp, dựa vào tu hành như thực đầy đủ lực phương tiện, để diệt sạch tướng câu hợp nghiệp, tướng năng kiến cho đến tướng hiện, tướng phân biệt trí và tướng tương tục. Phá trừ vô minh căn bản và tướng động lực nghiệp, do đó thể của tự tánh nơi thân hiện bày rõ trước mắt. Diệt sạch các tướng câu hợp cho đến tướng tương tục, nên thật trí Bát nhã thanh tịnh sáng ngời. Như Bốn Luận nói: “Tướng trí tịnh nghĩa là dựa vào năng lực của pháp huân tập mà tu hành như thực đầy đủ mọi phương tiện, phá bỏ sự hòa hợp của tướng thức, diệt trừ sự tương tục của tướng tâm, biểu hiện rõ trí tuệ thuần tịnh của Pháp thân”. Tại sao ba Hiền và vị Thập Tín đã bỏ qua không nói rõ? Vì so với thứ tự kế tiếp đã biểu hiện rõ. Tại sao nay trong phần này, đầu tiên đối trị vô minh căn bản, cho đến cuối cùng đối trị tướng diệt? Vì muốn giản lược về Bát nhã của Thủ giác khác nhau, giác ngộ theo thứ tự. Tại sao Thủ giác rời bỏ phàm hưởng về Thánh? Vì tiếp tục lên cao hơn là theo thứ tự chuyển đổi, Bốn giác tùy thuận pháp nhiệm rời bỏ Thánh hưởng về phàm, tiếp tục xuống thấp hơn là theo thứ tự chuyển đổi, vì pháp vốn như vậy. Hai thứ tự chuyển đổi như thế là trong một lúc hay là có trước sau? Quyết định trong một lúc tức không có trước sau. Những nghĩa lý như vậy trong kinh nào giải thích biểu hiện rõ? Đó là kinh Chứng Thuyết. Trong kinh ấy giải thích như thế nào? Nghĩa là trong kinh Chứng Thuyết giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Đà-la-ni phát ra mười ngàn câu hỏi thưa hỏi Như Lai. Ngay sau đó, Như Lai liền thực hiện mười vạn câu trả lời giải quyết các nghi ngờ, làm thông suốt mọi câu hỏi của Bồ-tát. Như thứ tự trả lời những câu hỏi kia rồi bảo với Bồ-tát Đà-la-ni: Tại sao Nhân giả không hỏi một sự việc mà cần phải hỏi nhiều sự việc? Thích hợp hơn nữa Phật tử lại hỏi để mở mang, vì lợi mình lợi người nên thưa hỏi Như Lai. Bấy giờ, Bồ-tát Đà-la-ni, liền nhờ vào uy thần của Đức Phật thưa với Đức Phật: Thưa đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì, ở giữa đại chúng nói ra lời như vậy:

Phật tử hãy nghe kỹ

*Ta phàm phu buộc đủ
 Trải qua tất cả địa
 Viên mãn biển nhân hạnh
 Trang nghiêm quả Đại Giác
 Ta từ địa thanh tịnh
 Trải qua tất cả địa
 Dem hết thấy các hạnh
 Đạt vị Tín thứ nhất
 Vào biển tạng vô minh
 Hai đại sự như vậy
 Một lúc, chẳng trước sau?*

Con và tất cả các đại chúng thấy đều hoài nghi là không có thời hạn giải thoát. Nếu như thích hợp thỉnh cầu Thế Tôn vì các Phật tử, tùy nghi khai bày chỉ ra các loại phương tiện! Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tổng Trì: Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng tư duy, nhớ đến điều ấy! Ta sẽ vì ông lược nói về điều quan trọng đó! Nay người thiện nam! Hai sự việc quan trọng này biểu hiện rõ hai loại Bát nhã của Giác trí. Thế nào là hai loại? Một là Thỉ giác Bát nhã. Hai là Bổn giác Bát nhã. Nay người thiện nam! Thỉ giác Bát nhã là từ địa phàm phu có đủ mọi ràng buộc dần dần thoát ra, cho đến địa kim cương viên mãn nhân hạnh phát ra đạo lý cứu cánh, lập tức đoạn trừ vô minh căn bản trú địa, vầng dương giác ngộ soi sáng khắp nơi không đâu là không cùng khắp, vì vậy gọi là Thỉ giác Bát nhã. Nay người thiện nam! Bổn giác Bát nhã là từ nơi tánh thanh tịnh dần dần tách xa, cho đến địa Tín - mới phát khởi trí cứu cánh, đoạn trừ phẩm loại tướng diệt vào biển cả vô minh tùy theo duyên biến động mà chuyển hóa, vì vậy gọi là Bổn giác Bát nhã. Bồ-tát Tổng Trì và các đại chúng nghe lời nói này rồi, nhận thức rõ các pháp là tướng như nhau, thể như nhau, cũng không có tướng như nhau, cũng không có Thể như nhau, cũng rỗng lặng không có ngôn từ, rỗng lặng không có ngôn từ cũng rỗng lặng, mà tánh của các pháp cũng là thật tướng, cũng là thường trú, cũng là quyết định, cũng là thật có”.

Từ đây xuống dưới là giải thích riêng, tách ra nói rõ về nhân duyên. Nghĩa này là thế nào? Chính là câu hỏi tổng quát. “Vì tướng của tất cả tâm thức đều là vô minh”, đó chính là câu trả lời tổng quát. Nghĩa là rất nhiều các loại thức hý luận, phát khởi nhiều loại tùy theo các duyên dựa vào, suy nghĩ nhận biết tất cả vô lượng cảnh giới, mê hoặc theo tướng của tất cả cảnh giới không tách rời được, vì đó đều là trạng thái của vô minh. Chính là thành lập hai nghĩa về phá - diệt đã

nói trong phần trước.

Tại đây tiếp xuống là biểu hiện rõ sự sai biệt giữa đoạn và phi đoạn. Vô minh trong này là xác định có thể đoạn hay là không thể đoạn được? Những nghi ngờ ấy do đâu? Nếu có thể đoạn thì tâm của Bốn giác cũng là có thể đoạn. Tại sao? Vì pháp nhiệm của vô minh và tánh trí của Bốn giác, cùng hiện hành, cùng chuyển vận không xa rời nhau. Ví như người đàn ông ngủ và khi thức, đều hiện hành, đều chuyển vận không thể tách rời nhau. Cũng không thể nói là lúc chém người ấy đang ngủ mà người ấy thức tỉnh không tổn thương, vì là một tướng tục. Cũng không thể nói lúc người ấy được thức tỉnh và người ấy đang ngủ là không có gì xảy ra, vì cùng nhau tướng tục. Nếu nói là khác nhau thì sai lầm quá mức. Nếu không thể đoạn được tức là tâm của tự tánh thanh tịnh luôn bị vô minh che lấp, luân chuyển trong năm đường không lúc nào thoát ra được. Vì vậy nếu nói không thể đoạn được thì sai lầm cũng lắm. Như vậy thì vô minh cũng có thể đoạn trừ, cũng không thể đoạn trừ. Nghĩa này là thế nào? Vì vô minh và Bốn giác có hai nghĩa. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa về đồng thể đồng tướng. Hai là nghĩa về dị thể dị tướng. Nói về nghĩa đồng, là nói về lý của tất cả pháp. Nói về nghĩa dị là vì tất cả các pháp đều có công đức hay lầm lỗi tai họa sai biệt của mỗi pháp. Nếu dựa vào phần đầu thì không thể đoạn trừ được, nếu dựa vào phần sau thì cũng có thể đoạn trừ. Trong kinh Chư Pháp Vô Hành giải thích như vậy:

*Tham dục là Niết-bàn
Giận, si cũng như vậy
Như thế trong ba sự
Có vô lượng Phật đạo
Thấy, chẳng thấy một tướng
Chấp, không chấp cũng vậy
Đây không Phật, không pháp
Biết này gọi thế trí.*

Trong Kinh Bốn Trí giải thích như vậy:

*Vô minh căn bản tối
Lực của nó rất mạnh
Hay chướng Nhất thiết trí
Khiến không được tự tại.
Đoạn cần gươm Bát nhã
Trang nghiêm báu công đức
Biển vô minh dần cạn*

Núi Pháp thân lộ bày.

Như Bốn Luận nói: “Tướng của vô minh không xa rời tánh Giác, chẳng phải có thể hủy hoại, chẳng phải không thể hủy hoại được”.

Từ đây xuống dưới là nói về dụ để biểu hiện rõ. Biển cả là dụ cho thức A-lê-da, thức này có hai loại nghĩa, vì rộng lớn tròn đầy giống như biển cả. Nước là dụ cho tâm của Bốn giác, vì tâm của tự tánh thanh tịnh lộ bày rõ trong sáng, giống như nước trong. Gió là dụ cho vô minh căn bản, vì xưa nay không giác ngộ luôn làm cho thức biến động chuyển sang suy nghĩ nhận biết, giống như gió. Sóng nổi lên là dụ cho các thức hý luận, vì các thức như vậy dời đổi biến động lưu chuyển, qua lại không ổn định giống như sóng biển. Tướng gió tướng nước không tách rời nhau là dụ cho chân vọng trợ giúp lẫn nhau cùng hiện hành, cùng chuyển đổi. Nghĩa là tâm của Bốn giác không tự khởi lên, phải nhờ vào lực của vô minh mới có thể khởi. Vô minh căn bản không tự chuyển đổi, cần phải nhờ vào lực của chân tâm mới có thể chuyển đổi, giống như nước không tự làm thành sóng nước, phải nhờ vào lực của gió mới có thể tạo thành sóng. Gió không tự mình hiện rõ tướng động, cần phải dựa vào nước mới có thể hiện rõ. Nhưng nước không phải là tánh động là dụ cho tâm của Bốn giác xa rời tướng hữu vi, nghĩa là chân tâm của Bốn giác từ xưa đến nay, tách xa động niệm cởi bỏ mọi ràng buộc, thể tánh thanh tịnh và tướng dụng tự tại, nhưng không giữ lấy tự tánh, tùy theo duyên của vô minh làm thành các loại tướng. Như nước không phải là tánh động nhưng không giữ lấy tự tánh, tùy theo duyên của gió dấy lên các loại sóng. Nếu gió ngừng lại hẳn thì tướng động sẽ mất, là dụ cho vô minh căn bản diệt thì các thức hý luận đều diệt không sót lại gì. Bốn giác đoạn trừ chướng ngại thì trước là đối trị vô minh căn bản, sau là đối trị các thức suy nghĩ nhận biết vin theo duyên. Tánh ướt không hủy hoại là dụ cho trí của Bốn giác xa rời các pháp đoạn diệt, nghĩa là vô minh diệt hết thì các thức không còn. Vì chân tâm của Bốn giác không có hoại diệt, giống như gió kia diệt thì các làn sóng đều ngừng lại mà nước trong sạch chung quy không hề hoại diệt.

Từ đây tiếp xuống là biểu hiện rõ về hợp để nói, như thứ tự đó thuận theo phối hợp. Biển cả, gió và nước từ đâu xuất hiện? Đó là từ Long vương sanh khởi. Tất cả từ nơi nào phát sanh? Điều ấy có nghĩa là nếu như nước thì từ đỉnh đầu Long vương phát ra, nếu là gió thì từ mút đuôi Long vương sinh ra. Tại sao nước biển bị gió làm cho biến động, tạo thành rất nhiều làn sóng không bao giờ ngừng dứt? Là vì hai sự việc? Thế nào là hai sự việc? Một là vì có đại chủng cùng loại. Hai là vì

pháp vốn như vậy. Nghĩa này là thế nào? Đó là vì trong Thủy đại cũng có Phong đại, trong Phong đại cũng có Thủy đại, phát sinh lẫn nhau, hòa hợp cùng nhau tạo thành rất nhiều làn sóng, luôn nối tiếp nhau không hề dừng lại. Nếu trong Thủy đại không có Phong đại, thì gió sẽ không thể nào làm cho nước biến động. Nếu trong Phong đại không có Thủy đại, thì nước sẽ không thể nào tùy theo gió chuyển động. Tại sao? Vì bốn Đại chủng cùng phát sanh, cùng chuyển đổi không xa rời nhau, tùy theo một Đại hiển hiện biết rõ, các Đại còn lại không thể phân biệt, là vì tướng trạng thêm bớt lại không như nhau.

Lại nữa, từ vô thủy đến nay do pháp vốn là vậy, thì vô minh và Bốn giác lại cũng như thế. Đại Long vương là dụ cho một tâm pháp, gió là dụ cho vô minh trú địa, từ nút đuôi phát ra là biểu hiện rõ hình tướng xấu kém của pháp này. Nước là dụ cho chân tâm của Bốn giác, từ đỉnh đầu phát ra là biểu hiện rõ hình tướng thắng diệu của pháp ấy. Trong Thủy đại cũng có Phong đại, là dụ cho trong tâm của Bốn giác tự tánh thanh tịnh có vô minh căn bản. Trong Phong đại cũng có Thủy đại, là dụ cho trong vô minh tạng căn bản có Phật tánh của Bốn giác. Chủ ý của luận này nói tương dị là đầu - tướng đồng là sau, thuận theo giải thích mà quán xét. Trong kinh Chư Phật Vô Tận Tạng giải thích như vậy: “Trong đại dương phiến não có Như Lai viên mãn, tuyên thuyết về lý của thật tướng thường trú. Trong thật tánh của Bốn giác có chúng sanh vô minh, dấy lên vô lượng vô biên làn sóng của phiến não. Việc lớn trong cảnh giới của Phật và Bồ-tát như vậy, không phải là những hạng phàm phu, Nhị thừa có thể biết được”.

Đã nói về phần tánh trí thanh tịnh vốn có, tiếp theo nói về phần nghiệp dụng tự tại vô ngại. Đó là trong phần này, tánh trí vốn có lấy làm nơi nương cậy, khởi lên các dụng chuyển hóa, vì tất cả những hành giả tu tập biểu hiện rõ các loại sắc tướng thắng diệu, làm cảnh giới cho nhãn căn. Xuất hiện các loại âm thanh thắng diệu, làm cảnh giới cho nhĩ căn. Phát khởi các loại hương thơm, làm cảnh giới cho tỷ căn. Hiện bày các loại pháp vị thắng diệu, làm cảnh giới cho thiệt căn. Dấy khởi các loại tiếp xúc của Tam muội thắng diệu, làm cảnh giới cho thân căn. Hiện ra các loại Pháp tạng thâm diệu, làm cảnh giới cho ý căn. Như thứ tự đó, chính là Quang Minh Nhật Nguyệt Bảo Đức Như Lai, Âm Thanh Phạm Hưởng Thanh Tịnh Như Lai, Hương Tích Phần Lưu Viên mãn Như Lai, Nhất Vị Vô Tạp Bình Đẳng Như Lai, Giác Xúc Phân Minh Hiển Tướng Như Lai, Trí Tuệ Minh Đạt Biến Mãn Như Lai. Thành tựu đầy đủ tùy theo thời gian - tùy theo nơi chốn - tùy theo mức độ của căn

cơ, giáo hóa làm lợi ích tự tại vô ngại, một niệm không biến động mà xuyên suốt trong ba đời, một thân không phân biệt mà đầy khắp giữa mười phương để luôn làm mọi Phật sự. Như Bốn Luận nói: “Tướng bất tư nghị nhiếp là dựa vào trí tịnh, có thể tạo ra tất cả mọi cảnh giới thù thắng vi diệu. Điều đó là tướng của vô lượng công đức luôn không đoạn tuyệt, tùy theo căn cơ chúng sanh tự nhiên tương ứng, rất nhiều chủng loại ngay lúc ấy được lợi ích”.

Đã nói về phần nói mở rộng Bốn giác tùy nhiễm, tiếp theo nói về phần Bốn giác tánh tịnh.

Bốn Luận nói: Lại nữa, thể tướng của giác có bốn loại nghĩa về đại, sánh cùng với hư không và giống như gương trong sáng. Thế nào là bốn loại? Một là kính như thật không, rời xa tất cả tướng cảnh giới của tâm và không có pháp nào có thể hiện bày, vì không phải là nghĩa của giác tuệ soi chiếu. Hai là kính nhân huân tập, là như thật bất không, tất cả cảnh giới của thế gian đều hiện rõ trong đó, không ra không vào, không mất không hoại, luôn thường trú tại một tâm, vì tất cả các pháp chính là tánh chân thật. Vả lại, tất cả pháp nhiễm vốn không có thể nhiễm được, là thể trí bất động, đầy đủ vô lậu thường huân tập chúng sanh. Ba là kính pháp xuất ly, là pháp bất không vượt ra ngoài sự ngăn trở của phiền não của trí và xa rời tướng hòa hợp, thuần là trong sáng. Bốn là kính duyên huân tập, là dựa vào pháp xuất ly, soi chiếu khắp nơi trong tâm chúng sanh khiến tu tập thiện căn, tùy theo ý niệm mà bày tỏ.

Luận giải thích: Đây chính là phần nói rộng về Bốn giác tánh tịnh. Trong bốn loại nghĩa về đại này, mỗi loại có hai nghĩa, cùng với nghĩa về đại kia không tách rời nhau. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa sánh bằng hư không. Hai là nghĩa đồng với gương sáng. Như Bốn Luận nói: “Lại nữa, thể tướng của giác có bốn loại nghĩa về đại, sánh cùng với hư không và giống như gương trong sáng”.

Thế nào gọi là kính như thật không và có hai nghĩa thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Trong Bốn giác tánh tịnh
Lìa mọi nghĩ biết như
Rời xa cảnh vọng thật
Chỉ nghĩa rời xa không
Gương Ma xa phu sa
Nêu một bày tỏ một.*

Luận nói: Trong thể tánh của Bốn giác thanh tịnh, rời xa tất cả

mọi suy nghĩa nhận biết dựa theo duyên và các thức hý luận, thành tựu nghĩa của một vị bình đẳng nên gọi là như. Rời xa các loại tướng phần của mọi cảnh giới hư vọng, thành tựu tướng quyết định chân thật nên gọi là thật. Vì muốn biểu hiện rõ nghĩa của sự rời xa nên gọi là không. Kính là tên gọi của dụ. Nhưng kính trong này chính là dụ cho đài gương bằng ngọc quý Ma-xa-phu-sa, chứ không phải các loại đài gương sơn son thếp vàng nào khác lấy làm ví dụ. Tại sao? Vì lấy đài gương bằng ngọc Ma-xa-phu-sa này đặt vào một nơi, trong vị trí phía trước gương ngọc hoặc là tụ tập các loại đá quý, hoặc là tụ tập các loại đồ ăn thức uống, hoặc là tụ tập các loại đồ vật trang nghiêm, hoặc là tụ tập gương ngọc cùng loại, trong gương ngọc ấy không hiện rõ ra hình ảnh nào khác, chỉ hiển bày hoàn toàn rõ ngọc quý cùng loại. Kính như thật không cũng lại như vậy, ở trong đài gương này chỉ an lập tập hợp thành tựu công đức thanh tịnh giống với chủng loại của mình, các pháp lỗi lầm tai họa của rất nhiều chủng loại khác đều rời xa. Như Bốn Luận nói: “Thế nào là bốn loại? Một là kính như thật không, là rời xa tất cả tướng cảnh giới của tâm và không có pháp nào có thể hiện bày”. Tại sao mỗi loại có hai loại nghĩa mà chỉ nêu ra nghĩa đồng với gương sáng, còn nghĩa sánh bằng hư không sao chẳng biểu hiện rõ? Vì đưa ra một nghĩa gồm đủ bày tỏ một nghĩa. Nếu như vậy thì thế nào gọi là nghĩa sánh bằng hư không? Nghĩa là như hư không thanh tịnh chẳng nhiễm vướng và bốn chướng vốn không thể che lấp, rộng lớn không giới hạn nên ba đời không thể nào thấu gồm được. Kính như thật không cũng lại như vậy. Vì không phải là nghĩa của giác tuệ soi chiếu, tức là biểu hiện rõ rời xa nhân duyên, là như trong đài gương bằng ngọc quý Ma-xa-phu-sa kia, các hình ảnh như đá quý... không hiện ra trước gương, vì các pháp như đá quý... đều là thô lậu uế tạp, trong gương ngọc Bốn giác này, các loại pháp hư vọng không hiện ra ở trước gương. Tất cả pháp nhiễm đều là tướng vô minh bất giác, vì vậy không có nghĩa soi chiếu đến. Thế nào gọi là kính nhân huân tập và có hai nghĩa thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Trí Bốn giác tánh tịnh
Ba loại pháp thế gian
Thấy đều không lìa bỏ
Vì một giác huân tập
Trang nghiêm quả Pháp thân
Nên gọi nhân huân tập
Đài gương hoa Đa-lê*

Dung nạp cùng mọi nơi.

Luận nói: Bốn giác tánh tịnh trong ba thế gian thấy đều không xa rời, huân tập ba thế gian trở thành một tánh giác, trang nghiêm cho một quả vĩ đại của Pháp thân, vì vậy gọi là kính nhân huân tập. Thế nào gọi là ba loại thế gian? Một là chúng sanh thế gian. Hai là khí thế gian. Ba là trí chánh giác thế gian. Chúng sanh thế gian gọi là cõi của tánh phàm phu. Khí thế gian gọi là thế giới cư trú của chúng sanh. Trí chánh giác thế gian gọi là Phật và các vị Bồ-tát. Đây gọi là ba thế gian. Đài gương trong này gọi là đài gương làm bằng vòng hoa Đa Lê, như lấy vòng hoa Đa Lê, đặt vào một nơi xung quanh tập hợp các vật, tất cả các vật do hoa này huân tập thấy đều sáng sạch, đồng thời các vật sáng sạch trong vòng hoa hiện rõ phía trước thấy đều không sót vật gì. Trong tất cả các vật và các vật hiện rõ ở phía trước hoa lại cũng không sót vật gì. Kính nhân huân tập cũng lại như vậy, huân tập tất cả các pháp trở thành giác thanh tịnh, khiến đều được bình đẳng. Hơn nữa, nghĩa về hư không tức có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là nghĩa dung nạp. Hai là nghĩa khắp nơi như nhau. Nghĩa dung nạp là dung nạp các sắc không có chướng ngại. Nghĩa khắp nơi như nhau là rất nhiều các loại sắc chỉ cùng chung một loại hư không rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Hai là kính nhân huân tập, gọi là như thật bất không, tất cả cảnh giới thế gian đều hiện rõ trong đó”. Như vậy, Bốn giác từ vô thủy đến nay rời xa bốn tướng sai lầm, tự tánh thanh tịnh thường trú tại một tâm. Thế nào là bốn tướng? Một là rời xa sai lầm của sự không biến khắp, vì ba loại thế gian không ra ngoài đài gương Bốn giác thanh tịnh, như Bốn Luận nói: “Bất xuất”. Hai là rời xa sai lầm của sự tạp loạn, vì tất cả các pháp không vào trong đài gương Bốn giác thanh tịnh, như Bốn Luận nói: “Bất nhập”. Ba là rời xa sai lầm của sự lo sợ, vì trong đài gương Bốn giác hiện rõ các pháp phía trước, tất cả đều là công đức thanh tịnh của Bốn giác. Như Bốn Luận nói: “Bất thất”. Bốn là rời xa sai lầm của sự vô thường, vì các pháp hiện rõ ở trước đài gương Bốn giác, không có gì là trí không phải thường trú vô vi, như Bốn Luận nói: “Bất hoại”. Rời xa sai lầm về giới hạn và viên mãn thật sự với phần giữa, vì thế nói nhất tâm thường trú.

Từ đây xuống dưới là biểu hiện rõ về nhân duyên. Vì nhân duyên gì mà các pháp thuộc nhiều loại ở trong trí của Bốn giác, như Bốn giác xa rời các sai lầm chẳng? Do các pháp thuộc nhiều loại hoàn toàn không có pháp nào không phải là thể chân thật, như Bốn Luận nói: Vì tất cả các pháp chính là tánh chân thật.

Từ đây tiếp xuống tạo ra duyên để giải quyết nghi ngờ. Nghĩa là có chúng sanh dấy lên nghi ngờ như vậy: Trong ba thế gian thì chúng sanh thế gian có đầy đủ toàn bộ pháp nhiệm vô minh, lưu chuyển và biến động không lúc nào ngừng, thế gian như vậy hiện rõ trong Bốn giác thì không thể nào được pháp gọi là Bốn giác thanh tịnh rời xa các sai lầm. Vì nghĩa này nên nay thông suốt mà nói, đồng thời tất cả pháp nhiệm vốn không thể nào nhiệm được, thật trí Bát nhã là Thể không biến động, tự tánh thanh tịnh đầy đủ không thiếu, luôn huân tập chúng sanh thế gian khiến cho thường thanh tịnh. Như Bốn Luận nói: “Vả lại, tất cả pháp nhiệm vốn không thể nhiệm được, là trí thể bất động đầy đủ không sót và thường huân tập chúng sanh”.

Thế nào gọi là kính pháp xuất ly và có hai nghĩa thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Pháp như thật bất không
Thoát khỏi ba lỗi lầm
Đầy đủ ba loại đức
Nên gọi pháp xuất ly
Gương luyện từ pha lê
Nghĩa không vượt các sắc.*

Luận nói: Tánh đức vô lậu, thoát khỏi ba loại sai lầm, viên mãn ba loại công đức, gọi là pháp xuất ly. Thế nào gọi là ba loại sai lầm? Một là phẩm vô minh nhiệm, gọi là phiền não làm chướng ngại. Hai là vô minh căn bản, gọi là chướng ngại của trí. Ba là câu hợp tướng chuyển, gọi là thức hý luận. Đây gọi là ba loại sai lầm. Vì xa rời hoàn toàn ba sai lầm như vậy, nên gọi là xuất ly. Như Bốn Luận nói: “Ba là kính pháp xuất ly, nghĩa là pháp bất không vượt ra ngoài sự ngăn trở của phiền não của trí và xa rời tướng hòa hợp”. Thế nào gọi là ba loại công đức? Một là công đức thuần thành tựu. Hai là công đức tịnh thành tựu. Ba là công đức minh thành tựu. Đây gọi là ba loại công đức. Như Bốn Luận nói: “Thuần là thanh tịnh, sáng suốt”. Thoát khỏi sai lầm nào và viên mãn công đức gì? Đó là thoát khỏi sự ngăn trở của phiền não - viên mãn công đức tịnh thành tựu, thoát khỏi sự chướng ngại do trí - viên mãn công đức minh thành tựu, thoát khỏi tướng hòa hợp chuyển biến - viên mãn công đức thuần thành tựu. Tại sao tướng đối đãi với pháp vốn là như vậy? Vì đài gương trong này là ngọc quý pha lê, ví như ngọc quý pha lê chìm sâu trong bùn, tức liền xuất hiện thoát ra khỏi bùn lầy kia, vọt ra ngoài nơi khác cách xa cả dặm, nếu đặt vào trong nước đục thì tự nhiên loại trừ tất cả mọi chất bẩn dòn đến, chỉ có nước trong còn lại

trong đó. Nếu đặt vào trong rừng Phước đa già, phát ra mùi thơm ngăn trở mọi mùi hôi thối nơi ấy, cách xa mà trụ. Kính pháp xuất ly cũng lại như vậy. Dụ giải thích trong này là dụ về nghĩa thanh tịnh của tự thể, trú vào tư duy thuận theo quán sát. Nghĩa sánh bằng hư không là xa rời các sắc, nghĩa là như hư không rời xa đại chúng, luôn thanh tịnh. Kính pháp xuất ly cũng lại như vậy.

Thế nào gọi là kính duyên huân tập, và có hai nghĩa thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Nơi vô lượng vô biên
Trong duyên các chúng sanh
Hiện vô lượng vô biên
Ứng, Hóa thân thù thắng.
Huân tập tâm chúng sanh
Sinh ra các thiện căn
Tăng trưởng hai vòng hoa
Trang nghiêm quả Pháp thân.
Nên gọi duyên huân tập
Pha lê trong gương biếc
Tùy thuận không thành nghĩa
Như pháp nên quán sát.*

Luận nói: Ví như lấy ngọc pha lê đặt vào một nơi, xung quanh tích tập nhiều loại châu ngọc đủ màu, ngọc pha lê hướng vào loại ngọc màu gì thì chuyển đổi màu sắc ngọc ấy ngay lập tức. Kính duyên huân tập cũng lại như vậy. Lại ví như hư không có năng lực tự tại, ở trong tất cả các việc đã tạo tùy thuận thành lập. Kính duyên huân tập cũng lại như vậy, ở trong nẻo hành của tất cả chúng sanh, tùy thuận thích hợp để kiến lập. Như Bốn Luận nói: “Bốn là kính duyên huân tập, nghĩa là dựa vào pháp xuất ly, soi chiếu khắp nơi trong tâm chúng sanh khiến tu tập thiện căn, tùy theo ý niệm mà bày tỏ”.

Bốn loại nghĩa đại của Bốn giác như vậy, khắp trong tất cả phạm vi của chúng sanh, tất cả phạm vi của Nhị thừa, tất cả phạm vi của Bồ-tát, tất cả phạm vi của Như Lai, không nơi nào là không an trú, không nơi nào là không soi chiếu, không nơi nào là không thông suốt, không nơi nào là không đến được, đầy đủ và tốt đẹp trọn vẹn.

